

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
BỘ TRƯỞNG
Số: 8-CT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 1 năm 1992

QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG SỐ

Về việc thành lập và phê duyệt luận chứng kinh tế - kỹ thuật vườn quốc gia Cát Tiên

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Xét tờ trình số 1457/UBT ngày 20 tháng 11 năm 1991 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai và tờ trình số 234/LN-KL ngày 9 tháng 2 năm 1991 của Bộ Lâm nghiệp về việc xin thành lập và phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật Vườn Quốc gia Cát Tiên;

Căn cứ đề nghị của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước (văn bản số 1395/UB-XD-NL ngày 17 tháng 12 năm 1991) về việc phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật này,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Thành lập Vườn Quốc gia Cát Tiên trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Vườn Quốc gia Cát Tiên bao gồm phần Nam Bãi Cát Tiên thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai trên cơ sở "rừng cấm Nam Bãi Cát Tiên" theo Quyết định số 360/TTg ngày 7 tháng 7 năm 1978 của Thủ tướng Chính phủ và phần mở rộng thuộc địa phận của tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Sông Bé.

Điều 2. - Phê duyệt Luận chứng kinh tế - kỹ thuật Vườn Quốc gia Cát Tiên (phần Nam Bãi Cát Tiên thuộc tỉnh Đồng Nai) với những nội dung và chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Vườn Quốc gia Cát Tiên.

Chủ quản đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Chủ đầu tư: Giám đốc Vườn Quốc gia Cát Tiên.

2. Địa điểm và phạm vi quản lý:

Chấp nhận ranh giới và phạm vi quản lý (phần Nam Bãi Cát Tiên thuộc tỉnh Đồng Nai) như đề nghị trong luận chứng kinh tế kỹ thuật:

Ranh giới:

Phía Bắc giáp tỉnh Sông Bé.

Phía Đông giáp sông Đồng Nai từ cửa Đak Lua đến ấp Tà Lài.

Phía Nam giáp đường 323 liên hiệp khoa học sản xuất La Ngà.

Phía Tây giáp lâm trường Vĩnh An từ ngã ba suối Xa Mát gặp đường 323 lên các đỉnh cao 243-300-354-359-360 gặp ranh giới tỉnh Sông Bé ở đỉnh cao 351.

Toạ độ địa lý:

Từ 11 độ 20' đến 11 độ 32' vĩ độ Bắc 107 độ 11' đến 107 độ 28' kinh độ Đông.

3. Nhiệm vụ:

Bảo tồn hệ sinh thái đặc trưng cho vùng Đông Nam Bộ, bảo tồn nguồn gen động vật, thực vật rừng đa dạng, phong phú và quý, hiếm của khu hệ động, thực vật rừng nam Việt Nam (voi, bò rừng, cá sấu, công, trĩ ... cẩm lai, gọ đỏ, dáng hương, cẩm xe).

Phòng hộ đầu nguồn phục vụ công trình thủy điện Trị An.

Tổ chức các dịch vụ nghiên cứu và thực hiện các chương trình nghiên cứu khoa học về bảo tồn thiên nhiên, về diễn thế rừng, về môi trường, phục vụ các mục tiêu phát triển lâm nghiệp.

Thực hiện các chương trình tuyên truyền giáo dục và các dịch vụ phục vụ tham quan, du lịch.

Quy hoạch và tổ chức lại các điểm dân cư phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ quản lý, xây dựng vườn, ổn định đời sống, chấm dứt mọi hành vi làm huỷ hoại tài nguyên rừng trong vườn Quốc gia.

4. Phân khu chức năng:

a) Khu bảo tồn nguyên vẹn: có chức năng chủ yếu là bảo vệ nguyên vẹn quần hệ rừng mưa nhiệt đới phân mùa; bảo vệ các khu cư trú và sinh hoạt của động vật rừng; bảo vệ cảnh quan tự nhiên của rừng.

Diện tích: 35.302 ha (gồm các tiểu khu I, II, III, IV).

b) Khu phục hồi sinh thái: có chức năng chủ yếu là bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái, các động, thực vật rừng quý, hiếm bằng các biện pháp phục hồi tự nhiên là chủ yếu.

Diện tích: 2.250 ha thuộc vùng đồi bát úp và đất bằng tiếp giáp vùng sản xuất nông nghiệp của xã Đak Lua.